

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2019/HC-PT

Ngày: 25 - 4 - 2019

V/v “*Khiếu kiện QĐ hành chính về việc bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất, QĐ cưỡng chế thi hồi đất; Hành vi hành chính về việc không giải quyết khiếu nại, hành vi cưỡng chế thu hồi đất và Yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 647/2018/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính về việc bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thi hồi đất; Hành vi hành chính về việc không giải quyết khiếu nại, hành vi cưỡng chế thu hồi đất và Yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC- ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 310/2019/QĐ- PT ngày 21 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 9, Tổ 12, Khu phố 5, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 281/66/14 đường L, Phường 1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư Trần Thị Thu H, Văn phòng luật sư G5– Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Luật sư Nguyễn Thị D1, Văn phòng luật sư D2- Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố B.

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Tấn L1– Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B (Xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phạm Văn V, sinh năm 1966.

2/ Chị Phạm Đặng Trâm A, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Số 9, Tổ 12, Khu phố 5, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bà Đặng Thị Thu T là người khởi kiện; Ông Phạm Văn V và chị Phạm Đặng Trâm A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi bà Đặng Thị Thu T trình bày:

Vợ chồng bà (Đặng Thị Thu T, Phạm Văn V) là chủ sở hữu căn nhà và chủ sử dụng quyền sử dụng thửa đất số 540C (nay là thửa 717), tờ bản đồ số 36, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tháng 3/2009, vợ chồng bà nhận được Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 06/3/2009 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của vợ chồng bà để thực hiện dự án Nạo vét suối S, nội dung là thu hồi 49,4m² thuộc một phần thửa đất

của vợ chồng bà. Hội đồng bồi thường thành phố B đã đến lập biên bản đo đạc, kiểm kê tài sản diện tích đất bị thu hồi 49,4m² nêu trên.

Đến ngày 16/7/2014, bà nhận được Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất, trong Quyết định có nội dung bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của gia đình bà với diện tích bị thu hồi là 124,8m².

Không đồng ý với việc bồi thường vượt quá phần diện tích đất bị thu hồi, bà đã làm đơn khiếu nại. Sau đó, bà nhận được Văn bản số 374/TTPTQĐ ngày 14/8/2014 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B trả lời với nội dung: Việc hỗ trợ, tái định cư đối với gia đình bà là đúng quy định, việc khiếu nại là không có cơ sở giải quyết. Theo bà, việc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B trả lời khiếu nại của bà là không đúng thẩm quyền, mà phải thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B. Hiện tại bà chưa nhận được khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B.

Ngày 29/10/2015, bà nhận được Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND thành phố B, về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình bà. Sau khi nhận được Quyết định cưỡng chế, bà đã khiếu nại (đơn khiếu nại được tiếp nhận ngày 10/11/2015), đồng thời bà đề nghị tạm ngưng thi hành Quyết định cưỡng chế. Tuy nhiên, cho đến nay bà vẫn chưa nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B.

Ngày 28/6/2016, Chủ tịch UBND thành phố B đã chỉ đạo cưỡng chế phá dỡ toàn bộ tài sản là nhà đất tọa lạc tại thửa đất 717, tờ bản đồ số 36, phường T1 của vợ chồng bà, làm đổ nát toàn bộ căn nhà không thuộc phạm vi, diện tích bị thu hồi 49,4m².

Ngày 20/8/2016, vợ chồng bà có nộp đơn khiếu nại về hành vi cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật của UBND thành phố B, tuy nhiên, cán bộ tiếp dân không nhận đơn, chỉ ghi vào sổ tiếp dân với nội dung vợ chồng bà có trình báo nội dung khiếu nại nêu trên đến UBND thành phố B và thông báo miệng rằng UBND thành phố B sẽ có văn bản trả lời, tuy nhiên đến nay gia đình bà vẫn chưa nhận được bất kỳ văn bản trả lời về nội dung khiếu nại.

Ngày 23/12/2016, bà tiếp tục nộp đơn khiếu nại các Quyết định liên quan đến việc thu hồi, bồi thường, cưỡng chế phần diện tích đất 75,4m² nằm ngoài diện tích 49,4m² thu hồi, để thực hiện dự án Nạo vét suối S theo Quyết định số 648/QĐ-UBND. Thế nhưng đến nay đơn khiếu nại của bà cũng chưa được giải quyết.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B, đối với diện tích đất 75,4m² là phần diện tích nằm ngoài diện tích bị thu hồi, theo Quyết định thu hồi đất số 648/QĐ-UBND;

+ Hủy Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND thành phố B, về việc về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đặng Thị Thu T, ông Phạm Văn V;

+ Tuyên bố hành vi không giải quyết đơn khiếu nại và hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố B là trái pháp luật;

+ Buộc UBND thành phố B bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế trái pháp luật cụ thể là:

1/ Thiệt hại về nhà cấp 4 và công trình phụ: 320.000.000đ;

2/ Thiệt hại về tài sản bị hư hỏng: 51.500.000đ;

3/ Thiệt hại do gián đoạn kinh doanh: 24.000.000đ;

4/ Tiền thuê nhà: 90.000.000đ;

5/ Tiền viện phí: 300.000đ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu tiền thuê nhà tính đến ngày xét xử là 140.000.000đ; tiền tổn thất tính thần 75.000.000đ.

Tổng cộng yêu cầu bồi thường thiệt hại là 600.800.000đ.

- *Người bị kiện UBND thành phố B, Chủ tịch UBND thành phố B do ông Nguyễn Tấn L1 là người đại diện theo ủy quyền, ông Hồ Bá M là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

Bà Đặng Thị Thu T và ông Phạm Văn V sử dụng thửa đất số 717 tờ bản đồ số 36 với diện tích 124,8m² có nguồn gốc do ông Đặng Văn Q khai phá trước năm 1980. Đến ngày 18/10/2000 ông Q chuyển nhượng giấy tay cho bà Đặng Thị Thu T sử dụng. Đến năm 2000, bà T kê khai đăng ký theo biên nhận số 7729/TTKT.ĐC (trong đó phần diện tích 49,4m² thuộc dự án Nạo vét suối S; phần diện tích còn lại 75,4m² thuộc dự án xây dựng cầu X) theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật địa chính Nhà đất Đồng Nai thực hiện ngày 03/3/2010.

1/ Đối với việc ban hành Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 06/3/2009 của UBND thành phố B về việc thu hồi đất của ông (bà) Phạm Văn V để thực hiện dự án Nạo vét suối S tại phường T1, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Mai, Thống Nhất thuộc thành phố B:

Ngày 03/12/2008, UBND tỉnh Đban hành Quyết định số 4081/QĐ-UBND

về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nạo vét suối S tại các phường T1, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Mai, Thống Nhất thuộc thành phố B.

Căn cứ điểm c và điểm d khoản 1 Điều 53 của Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai như sau:

“ ...

c) Trường hợp khu đất bị thu hồi vừa có thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, vừa có thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi chung đối với toàn bộ các thửa đất trên khu đất và ra quyết định thu hồi đối với từng thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của mình;

d) Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi chung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm c khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi từng thửa đất thuộc thẩm quyền thu hồi của mình”.

Căn cứ quy định trên, ngày 06/3/2009 UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 684/QĐ-UBND về việc thu hồi phần diện tích 49,4m² tại thửa đất số 717 tờ bản đồ số 36 của ông (bà) Phạm Văn V để thực hiện dự án Nạo vét suối S tại phường T1, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Mai, Thống Nhất thuộc thành phố B là đúng quy định.

2/ Đối với việc ban hành Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Đặng Thị Thu T – Phạm Văn V do thu hồi đất để thực hiện dự án Nạo vét suối S tại phường T1, thành phố B:

Ngày 03/12/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 4081/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nạo vét suối S tại các phường T1, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Mai, Thống Nhất thuộc thành phố B.

Ngày 10/10/2011 UBND tỉnh Đ ban hành Thông báo số 6932/TB-UBND về việc thu hồi đất để lập thủ tục đầu tư xây dựng Cầu X tại phường T1 và H1 thuộc thành phố B.

Ngày 05/11/2013 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố B có Tờ trình số 522/TTr-HĐBT về việc trình phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Nạo vét suối S tại các phường T1, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Mai, Thống Nhất

thuộc thành phố B. Căn cứ vào hồ sơ do Hội đồng bồi thường cung cấp thể hiện như sau:

- Bà Đặng Thị Thu T và ông Phạm Văn V sử dụng thửa đất số 717 tờ bản đồ số 36 với diện tích 124,8m² có nguồn gốc do ông Đặng Văn Q khai phá trước năm 1980. Đến ngày 18/10/2000, ông Q chuyển nhượng giấy tay cho bà Đặng Thị Thu T sử dụng. Đến năm 2000 bà T kê khai đăng ký theo biên nhận số 7729/TTKT.ĐC (trong đó phần diện tích 49,4 m² thuộc dự án Nạo vét suối S; phần diện tích còn lại 75,4m² thuộc dự án xây dựng Cầu X) theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật địa chính Nhà đất Đồng Nai thực hiện ngày 03/3/2010, Giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường T1 số 07 ngày 05/12/2010 và số 74a/XN.NGD ngày 25/4/2014.

Trên cơ sở ý kiến về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của UBND phường T1 xác nhận và kết quả kiểm đếm, ngày 10/6/2014 Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ- Chi nhánh B đã lập bảng chiết tính bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà T với tổng giá trị 607.592.000đ, trong đó: bồi thường về đất 362.760.000đ; Bồi thường nhà, vật kiến trúc 225.712.000đ; Bồi thường tài sản khác 3.120.000đ; Trợ cấp các loại 16.000.000đ.

Qua xem xét hồ sơ bồi thường của hộ bà T do Hội đồng bồi thường trình, căn cứ Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về các chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đ ban hành trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì cùng với Phòng Tài chính Kế hoạch, Phòng Quản lý Đô thị để tiến hành thẩm tra hồ sơ bồi thường và các ngành đã thống nhất với giá trị bồi thường của bà T theo nội dung trình của Hội đồng bồi thường.

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các ngành, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 4791/TTr-TNMT ngày 19/6/2014, tham mưu UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2654/QĐ-UBND ngày 20/6/2014, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Nạo vét suối S tại các phường T1, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Mai, Thống Nhất thuộc thành phố B (bổ sung đợt 28) - trong đó có hộ bà T. Đồng thời, UBND thành phố B cũng đã ban hành các Quyết định số 2655/QĐ- UBND ngày 20/6/2014, về việc thu hồi đất của ông V và bà T để thực hiện dự án Nạo vét suối S (thu hồi phần diện tích 49,4m² thuộc một phần thửa đất số 717 tờ bản đồ số 36); Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày

20/6/2014 về việc thu hồi đất của ông V và bà T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu X (thu hồi phần diện tích 75,4m² thuộc một phần thửa đất số 717 tờ bản đồ số 36).

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 22 Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của UBND tỉnh Đ, ban hành Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau: *"a) Ngay sau khi có quyết định phê duyệt phương án bồi thường của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm trình UBND cấp huyện ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân"*. Đến ngày 23/6/2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B đã tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/ 2014, về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Đặng Thị Thu T - Phạm Văn V do thu hồi đất để thực hiện dự án Nạo vét suối S và Cầu X với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 607.592.000đ.

Như vậy, việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà T- ông V do thu hồi đất để thực hiện dự án nạo vét suối S là đúng quy định.

3. Đối với việc ban hành Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Ngày 18/12/2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ- Chi nhánh B đã chủ trì cuộc họp cùng với các ban ngành, để vận động hộ bà T nhận đất tái định cư và bàn giao mặt bằng, thi công dự án nạo vét suối S tại phường T1. Kết quả hộ bà T không đồng ý bàn giao mặt bằng.

Ngày 22/5/2015, UBND phường T1 đã chủ trì cuộc họp cùng với các ban ngành, tiến hành vận động hộ bà T để bàn giao mặt bằng, thực hiện dự án nạo vét suối S, kết quả hộ bà T không đồng ý bàn giao mặt bằng.

Ngày 27/5/2015, UBND phường T1 có Văn bản số 218/UBND-ĐT, về việc báo cáo kết quả vận động hộ bà T và ông V, thuộc diện giải tỏa dự án Nạo vét suối S tại các phường T1, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Mai, Thống Nhất thuộc thành phố B.

Ngày 07/9/2015, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ thành phố B có Tờ trình số 363/TTr-HĐBT về việc ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án Nạo vét suối S tại các phường T1, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Mai, Thống Nhất thuộc thành phố B (trong đó có trường hợp của bà T- ông V).

Căn cứ vào hồ sơ do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ— Chi nhánh B cung cấp, căn cứ Luật Đất đai 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất Ngày 19/10/2015 Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 5653/TTr-TNMT tham mưu UBND thành phố B ban hành quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015, về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông (bà) Đặng Thị Thu T - Phạm Văn V, tại thửa đất số 717, tờ bản đồ số 36, phường T1.

Như vậy, căn cứ vào hồ sơ và các quy định nêu trên, việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015, về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông (bà) Đặng Thị Thu T - Phạm Văn V tại thửa đất số 717, tờ bản đồ số 36, phường T1 là đúng theo quy định.

Trong quá trình lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho bà T, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ- Chi nhánh B đã áp dụng các quy định và tính toán đầy đủ các chính sách về bồi thường, hỗ trợ trên tổng phần diện tích 124,8m² đất gia đình đang sử dụng.

Tuy nhiên, qua rà soát, việc lập hồ sơ và trình UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014, về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà T, ông V do thu hồi đất thực hiện dự án Nạo vét suối S tại phường T1, thành phố B và Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ - Chi nhánh B và Phòng Tài nguyên và Môi trường đã thiếu sót trong việc kiểm tra, dẫn đến tại tiêu đề và nội dung tại các Quyết định nêu trên không có nội dung "...và thực hiện dự án xây dựng Cầu X tại phường T1 và phường H1". Ngoài ra, đối với phần diện tích 49,4m², thuộc dự án Nạo vét suối S, UBND thành phố B đã ban hành 02 quyết định thu hồi đất cho bà T (Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 06/3/2009 và Quyết định 2655/QĐ-UBND ngày 20/6/2014). Liên quan đến các nội dung sai sót này, trong quá trình lập và trình hồ sơ thẩm định, các cơ quan có liên quan đã thiếu kiểm tra trong việc rà soát các quyết định thu hồi đất đã ban hành vào thời điểm năm 2009 cho hộ dân, dẫn đến năm 2014 vào thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, vẫn tiếp tục tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 20/6/2014, thu hồi phần diện tích nêu trên của hộ dân.

Sau khi rà soát hồ sơ và làm việc với các cơ quan có liên quan, nhận thấy sự thiếu sót nêu trên, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND thành phố B ban hành các Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 16/10/2015, về việc bổ sung một phần nội dung tại Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày

20/6/2014, của UBND thành phố B; Quyết định số 3710/QĐ-UBND ngày 16/10/2015, về việc bổ sung trích yếu và căn cứ pháp lý tại Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B; Quyết định 3861/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc bổ sung nội dung và căn cứ pháp lý tại Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B, nhằm khắc phục các sai sót nêu trên.

4. Đối với nội dung không giải quyết đơn khiếu nại, kiến nghị của bà Đặng Thị Thu T:

Liên quan đến các nội dung khiếu nại, kiến nghị của bà Đặng Thị Thu T tại dự án Nạo vét Suối S thuộc phường T1, UBND thành phố đã có Văn bản số 5029/UBND-TD ngày 05/8/2014 và 4377/UBND-TD ngày 18/6/2015 giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ- Chi nhánh B xem xét xử lý nội dung kiến nghị của hộ dân theo quy định.

Qua xem xét các nội dung kiến nghị của hộ bà T và các quy định có liên quan, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ- Chi nhánh B đã có các Văn bản 374/TTPTQĐ ngày 14/8/2014, Văn bản số 52/TTPTQĐ ngày 29/5/2015, Văn bản số 118/TTPTQĐ ngày 13/8/2015 về việc xử lý đơn của bà T.

Từ những nội dung trên, việc UBND thành phố B ban hành các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, quyết định cưỡng chế thu hồi đất, quyết định bồi thường, văn bản giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn V, chị Phạm Đặng Trâm A: Thống nhất với trình bày của người khởi kiện bà Đặng Thị Thu T.

Tại Bản án hành chính số 13/2018/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T. Do thời hiệu khởi kiện đã hết:

+ Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B, về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Đặng Thị Thu T – Phạm Văn V do thu hồi đất để thực hiện dự án Nạo vét suối S tại phường T1, thành phố B;

+ Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B, về việc Cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đặng Thị Thu T, ông Phạm Văn V;

+ Hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T về việc Tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố B là trái pháp luật.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị Thu T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/10/2018, bà Đặng Thị Thu T, chị Phạm Đặng Trâm A và ông Phạm Văn V kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa một phần án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phạm Đặng Trâm A kháng cáo nhưng vắng mặt. Bà Đặng Thị Thu T và ông Phạm Văn V yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện luật sư D trình bày: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, tuyên án trái pháp luật.

Về tố tụng: Tư cách người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố B. Giấy ủy quyền ông L ủy quyền tham gia đại diện UBND thành phố B. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Chủ tịch UBND thành phố B tham gia tố tụng, thừa nhận ông L tham gia với hai tư cách là một là không đúng. Về luật sư bảo vệ cho UBND thành phố B, UBND thành phố B cử luật sư Hồ Bá M tham gia là người bảo vệ cho UBND thành phố B. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận ông Hồ Bá M là người bảo vệ cho UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B là vi phạm tố tụng. Người khởi kiện khởi kiện hành vi cưỡng chế và hành vi không giải quyết khiếu nại, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết một hành vi, trường hợp này buộc người khởi kiện xác định rõ chọn hành vi khiếu nại hay hành vi cưỡng chế, Tòa án cấp sơ thẩm tự giải quyết không để cho đương sự chọn lựa.

Về nội dung: Nhận định không phù hợp. Bà T chưa nhận các quyết định ngoài các quyết định bà T khởi kiện. Bà T, ông V chỉ bị thu hồi 49,4 m² dự án suối S theo Quyết định 684, sau đó bị bồi thường toàn bộ diện tích, dự án suối S và bồi thường 75,4 m² vượt quá phạm vi của quyết định ban đầu, thu hồi đất không có quyết định. Quyết định 2654,2655,2656, UBND thành phố B tự bổ sung các quyết định này và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm, không giao cho người khởi kiện. Tháng 6/2016 UBND thành phố B mới tiến hành cưỡng chế, Cầu X xây dựng xong và đưa vào sử dụng năm 2015, phần đất thu hồi đưa vào kinh

doanh buôn bán, cưỡng đoan đất trái pháp luật. Biên bản bà T ký có thu hồi 124,8 m², UBND thành phố B phải có quyết định thu hồi đất. Bà T bị mất diện tích vì không nằm trong quyết định thu hồi đất, bà T nhiều lần khiếu nại, không được giải quyết. UBND thành phố B chỉ được bổ sung các quyết định phù hợp pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện luật sư H trình bày: Thống nhất ý kiến của luật sư D. Bà T bị thu hồi đất, chỉ nhận có ba quyết định. Quyết định 684 năm 2009, Quyết định 2908 năm 2014 bồi thường hỗ trợ 124,8m². Trong khi Quyết định 684 chỉ bị thu hồi 49,4 m², vậy UBND thành phố B căn cứ nào để ra quyết định bồi thường 75,4 m². Quyết định cưỡng chế 737, Ủy ban nhận đơn nhưng không giải quyết khiếu nại. Tờ trình của ông L không có nêu cơ quan chức năng có văn bản giao các quyết định cho bà T ngoài các quyết định trên. Tờ trình của ông L cũng thừa nhận có sự thiếu sót trong quá trình thu hồi đất, UBND thành phố B ban hành hai quyết định thu hồi đất, sẽ giao tham mưu điều chỉnh một phần bổ sung. Thời điểm bà T đi kiện, UBND thành phố B không có quyết định. Ngày 08/8/2017 (Bút lục 123) ông L trình bày cơ quan chức năng không giao đủ quyết định cho bà T. Án sơ thẩm cho rằng UBND thành phố B có thiếu sót, cùng một diện tích có hai quyết định thu hồi, quyết định ban hành không giao cho bà T. Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu UBND thành phố B mới cung cấp tài liệu là trái qui định pháp luật. Quyết định 2908 không có nói dự án xây dựng cầu X. Hai ngày sau khi nhận Quyết định 2908, bà T nhận thông báo lên nhận tiền, qui trình không đúng pháp luật. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, bà T có đơn khiếu nại, nhận đơn nhưng không giải quyết. UBND thành phố B vi phạm nghiêm trọng pháp luật. UBND thành phố B sai sót nhiều, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà T là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết trái qui định pháp luật.

Bà T ông V trình bày: Thống nhất ý kiến của người bảo vệ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về kháng cáo của chị Phạm Đăng Trâm A: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Đăng Trâm A.

- Về kháng cáo của bà Đặng Thị Thu T và ông Phạm Văn V:

Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Yêu cầu khởi kiện của bà T là diện tích 74,5 m² chưa thu hồi mà bồi thường là trái pháp luật. Diện tích 74,5 m² UBND thành phố B đã ra Quyết định thu hồi số 2656 để xây dựng cầu X. Trong quá trình thực hiện quyết định hành chính có thiếu sót đã được đính chính tại Quyết định bổ sung dự án suối S và xây dựng cầu X. Diện tích thu hồi đất 124,8 m² đã được bồi thường đầy đủ. Hai dự án đã được thực hiện vì lợi ích công cộng. Sai sót có không làm thiệt hại đến người có đất bị thu hồi. Quyết định cưỡng chế 737, hành vi cưỡng chế đúng pháp luật. Người khởi kiện không tự nguyện giao đất. Bản án sơ thẩm đình chỉ Quyết định cưỡng chế 737. Khi nhận định Quyết định cưỡng chế 737 là Quyết định có liên quan, không xem xét Quyết định cưỡng chế 737, sai sót này sẽ được cấp phúc thẩm sửa sai, không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu hủy án phúc thẩm, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với Quyết định cưỡng chế 737.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật : Bà Đặng Thị Thu T khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B, về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Đặng Thị Thu T – Phạm Văn V do thu hồi đất để thực hiện dự án Nạo vét suối S tại phường T1, thành phố B; Hủy Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B, về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đặng Thị Thu T, ông Phạm Văn V; Tuyên bố hành vi không giải quyết đơn khiếu nại và hành vi cưỡng chế thu

hồi đất của UBND thành phố B là trái pháp luật; Buộc UBND thành phố B bồi thường thiệt hại số tiền 600.800.000 đồng do hành vi cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật; thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Đặng Trâm A: Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Đặng Trâm A vì đã triệu tập hợp lệ mà không có mặt.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thi Thu T và ông Phạm Văn V đề nghị hủy án sơ thẩm

[2.2.1] Đối với Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 về việc Bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất và hành vi không giải quyết khiếu nại:

Ngày 16/7/2014, bà T nhận được Quyết định 2908, bà khiếu nại. Ngày 14/8/2014 Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B có văn bản trả lời đơn khiếu nại của bà không có cơ sở xem xét, giải quyết. Bà T cho rằng văn bản trả lời đơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B trả lời là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, bà đã không thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 28, 33 Luật khiếu nại; Điều 103 Luật tổ tụng hành chính năm 2010, đến ngày 26/4/2017 bà T mới khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B về việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất và hành vi không giải quyết khiếu nại, là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Ngày 16/10/2015 UBND thành phố B ban hành Quyết định 3710/QĐ-UBND về việc bổ sung trích yếu và căn cứ pháp lý tại Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B. Ngày 15/3/2018 bà T nhận Quyết định 3710 (Bút lục 190) và không có yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với Quyết định 3710. Quyết định 3710 bổ sung trích yếu tại tiêu đề và tại Điều 1 của Quyết định 2908 "...và thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu X tại phường T1 và H1", bổ sung căn cứ pháp lý để ban hành quyết định với nội dung " Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 6932/TB-UBND ngày 10/10/2011 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi đất để lập thủ tục đầu tư xây dựng Cầu X tại phường T1 và phường H1". Bà T khiếu kiện một phần Quyết định 2908, bà T yêu cầu hủy một phần quyết định bồi thường đối với phần diện tích đất 75,4 m²(phần diện tích nằm ngoài diện tích thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 684), không có nội

dung sửa đổi, bổ sung thay thế quyết định hành chính bị khiếu kiện. Phần Quyết định 2908 không được sửa đổi tại Quyết định 3710. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2.2] Đối với Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 về việc Cường chế thu hồi đất, tuyên bố hành vi Cường chế thu hồi đất là trái pháp luật:

Ngày 29/10/2015 bà T nhận được Quyết định cưỡng chế số 737, ngày 10/11/2015 bà T khiếu nại nhưng không được giải quyết. Ngày 28/6/2016 UBND thành phố B thực hiện hành vi cưỡng chế, ngày 20/8/2016 bà T khiếu nại hành vi cưỡng chế, ngày 8/5/2017 bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 737 và hành vi cưỡng chế. Ngày 28/10/2015 UBND thành phố B ban hành Quyết định 3861 bổ sung Quyết định 737. Theo qui định tại Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, thì Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính có liên quan đến hành vi cưỡng chế bao gồm Quyết định 737 và Quyết định 3861.

Sau khi vận động hộ bà T bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án không có kết quả, ngày 26/10/2015, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định cưỡng chế số 737/QĐ-UBND. Ngày 28/10/2015 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3861/QĐ-UBND bổ sung nội dung và căn cứ pháp lý đối với Quyết định 737/QĐ-UBND là đúng qui định tại Điều 70,71 Luật đất đai 2013.

Việc UBND thành phố B đã ban hành các Quyết định như thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, cưỡng chế có sai sót, tuy nhiên sau đó đã khắc phục. Việc ban hành các Quyết định để khắc phục, bổ sung là đúng quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ; Điều 51 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Điều 57 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà T đối với Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B, về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Đặng Thị Thu T, ông Phạm Văn V do hết thời hiệu là chưa chính xác vì là Quyết định hành chính có liên quan đến hành vi cưỡng chế nên Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét. Tuy nhiên, Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B và việc cưỡng chế được ban hành đúng quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu

hủy Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 về việc Cưỡng chế thu hồi đất và tuyên bố hành vi Cưỡng chế thu hồi đất là trái pháp luật.

[2.2.3] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:

Do hành vi cưỡng chế đúng qui định pháp luật, nên yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra của bà T là không có căn cứ, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu này của bà T là đúng pháp luật.

[2.2.4] Hồ sơ thể hiện có biên bản đo đạc ngày 05/8/2009, ông V ký tên với diện tích 49,4 m². Biên bản đo đạc kiểm kê ngày 08/7/2000 đối với phần diện tích 75,4 m², bà T có ký tên. Danh sách công khai ngày 29/6/2007, bà T thứ tự số 5, diện tích bị thu hồi 124,8 m². Quyết định 2655 ngày 20/6/2014 thu hồi 49,4 m² của bà T để thực hiện dự án nạo vét suối S. Quyết định 2656 ngày 20/6/2014 thu hồi 75,4 m² của bà T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu X. Biên bản ngày 18/12/2014 biên bản làm việc với Trung tâm phát triển quỹ đất, bà T có ký tên chưa đồng ý bóc thăm do có đơn khiếu nại (Bút lục 149). Tại biên bản vận động (Bút lục 150-151), kết luận tại biên bản là bà T đã nhận đầy đủ quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường nhưng không giao mặt bằng. Ông V, bà T có ký tên tại biên bản, chỉ không đồng ý nhận tái định cư ở K33, nơi nào thuận tiện mua bán.

[2.2.5] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, bà Đặng Thị Thu T và ông Phạm Văn V kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Thu T và ông Phạm Văn V như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu T phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đặng Thị Thu T, chị Phạm Đặng Trâm A và ông Phạm Văn V, mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, khoản 1 và khoản 5 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Đăng Trâm A.

2. Bác kháng cáo của bà Đặng Thị Thu T và ông Phạm Văn V. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T do thời hiệu khởi kiện đã hết đối với Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND thành phố B, về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông (bà) Đặng Thị Thu T – Phạm Văn V do thu hồi đất để thực hiện dự án Nạo vét suối S tại phường T1, thành phố B và yêu cầu tuyên bố hành vi không giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B trái pháp luật.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố B, về việc Cường chế thu hồi đất đối với hộ bà Đặng Thị Thu T, ông Phạm Văn V và yêu cầu Tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố B là trái pháp luật.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thu T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra.

3. *Về án phí sơ thẩm:* Bà Đặng Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số 009952 ngày 12/5/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bà Đặng Thị Thu T phải chịu 28.032.000 đồng (Hai mươi tám triệu, không trăm ba mươi hai ngàn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về án phí hành chính phúc thẩm:* Bà Đặng Thị Thu T, chị Phạm Đăng Trâm A và ông Phạm Văn V, mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu số 005119 ngày 08/10/2018, số tiền 300.000 đồng ông V đã nộp theo Biên lai thu số 005120, số tiền 300.000 đồng chị Phạm Đăng Trâm A đã nộp theo Biên lai thu số 005121 ngày 08/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương